

Bản án số: 309/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2020

V/v *Ly hôn, nuôi con chung*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu.

Ông Mai Văn Du.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Thảo Vân - thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:*** Bà Trần Lê Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 189/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/6/2020 về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59 /2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/9/2020 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1988. Địa chỉ: P.403 -CT1 Chung cư BQP, tổ 24, Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Nơi ở hiện nay: đường L3 thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1992. Địa chỉ: CT1 Chung cư BQP, tổ 24, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bảng tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thị Minh Khai, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 56/2012 ngày 28/12/2012). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại CT1 Chung cư BQP, tổ 24, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, đến tháng 8/2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Vợ ông hay ghen tuông làm ảnh hưởng đến công việc của ông tại đơn vị. Ông bà hiện nay không còn chung sống với nhau nữa. Ông hiện đang sống tại nhà công vụ của cơ quan tại đường L3 thành phố Đà Nẵng, còn bà T sống với các con tại CT1 Chung cư BQP, tổ 24, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ

chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung: cháu Nguyễn Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 02/9/2017 và cháu Nguyễn Ngọc Tâm N, sinh ngày 13/10/2018. Ly hôn, bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và ông trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, ông H thay đổi yêu cầu, đề nghị giao hai con chung cho bà T nuôi dưỡng và ông có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng mỗi tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bảng tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông H về thời gian kết hôn, chung sống, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và có cãi vã nhau. Nguyên nhân là bà được biết là do ông H có ngoại tình với người khác. Tuy nhiên, bà cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, các con còn nhỏ và cháu N hiện nay sức khỏe không tốt do có bệnh lý về tim nên bà không đồng ý ly hôn với ông H vì mong muốn đoàn tụ giữ gìn hạnh phúc gia đình, để các con có đầy đủ tình thương của bố mẹ và cùng chăm sóc cháu được tốt hơn. Trong trường hợp HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H thì đề nghị ông H phải cấp dưỡng nuôi con 6.000.000đ mỗi tháng.

Tại phiên tòa, bà T giao nộp xác nhận y tế thể hiện cháu Nguyễn Ngọc Tâm N đang trong giai đoạn theo dõi do có vấn đề về sức khỏe liên quan đến các bệnh lý về tim.

Tại biên bản xác minh ngày 04/9/2020, Tổ trưởng tổ dân phố số 24, phường Khuê Trung xác nhận cuộc sống hôn nhân của ông H và bà T trong thời gian gần đây thường xảy ra mâu thuẫn và hiện nay tại phòng 403 - CT1 Chung cư BQP chỉ có bà T và 02 cháu sinh sống.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị T.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Nguyễn Ngọc Tâm N, sinh ngày 13/10/2018 và cháu Nguyễn Ngọc Tâm Đ, sinh ngày 02/9/2017 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của ông H 2.000.000đ mỗi tháng

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Ngọc H không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị T để xin ly hôn, nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, nuôi con chung*”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tại thời điểm khởi kiện, bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Ngọc H có hộ khẩu tại: Tổ 24, phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, Đà Nẵng. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Ngọc H và bà Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thị Minh Khai, thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 56/2012 ngày 28/12/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại CT1 Chung cư BQP, tổ 24, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, đến tháng 8/2019 thì vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Theo ông H là do bà T hay ghen tuông, làm ảnh hưởng đến công việc của ông. Bà T cũng thừa nhận việc bà nghi ngờ ông H có người phụ nữ khác nhưng không đưa ra được bất kỳ chứng cứ chứng minh nào. Trong khi đó, ông H cho rằng bà T tự ý phá thai mà không được sự đồng ý của ông nên ông cũng có nghi ngờ việc bà T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nH ông không có chứng cứ. Đồng thời, hiện nay ông bà không còn chung sống với nhau nữa. Ông H hiện đang sống tại nhà công vụ của cơ quan, còn bà T sống với các con tại P.403 CT1 Chung cư BQP, tổ 24, phường T, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy: mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa ông H và bà T là không trầm trọng, chủ yếu là do những nghi ngờ thiếu căn cứ và thiếu sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau giữa vợ chồng xuất phát từ đặc thù công việc của ông H. Trong quá trình chung sống, giữa ông bà cũng không xảy ra bất kỳ hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Tại phiên tòa, bà T cũng mong muốn được đoàn tụ và khẳng định còn tình cảm với ông H. Đồng thời, con chung của ông bà còn quá nhỏ, trong khi cháu Tâm N hiện đang phải theo dõi sức khỏe định vì do những triệu chứng liên quan đến bệnh lý về tim. Cả hai cháu đều cần sự quan tâm, chăm sóc của bố mẹ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị T.

[2.2] Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Ngọc H nên HĐXX không xem xét đối với yêu cầu về con chung và cấp dưỡng nuôi con

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng không phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX không chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị T.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001192 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn Ngọc H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND P. Nguyễn Thị Minh Khai,
TX. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu H